

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐỨC LINH
TỈNH BÌNH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 20 /2025/DS-ST

Ngày: 20/3/2025

Tranh chấp hợp đồng tín dụng.

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC LINH, TỈNH BÌNH THUẬN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Thu Vân

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lưu Trọng Kim

Bà Nguyễn Thị Bình

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Hà - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Thanh Tốt - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 3 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 401/2024/TLST-DS ngày 18 tháng 11 năm 2024, về “*Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 37/2025/QĐXXST-DS ngày 21 tháng 02 năm 2025; Quyết định hoãn phiên tòa số 40/2025/QĐST-DS ngày 11 tháng 3 năm 2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại Cổ phần S1; Địa chỉ: 2, N, phường V, quận C, Thành Phố Hồ Chí Minh;

Người đại diện theo pháp Luật: Bà Nguyễn Đức Thạch D; chức vụ: Tổng giám đốc;

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lương Trọng T; chức vụ: Trưởng phòng G, tỉnh Bình Thuận;

Người đại diện theo ủy quyền lại: Bà Lê Thị Vân N, chức vụ: Chuyên viên quản lý tín dụng và Kiểm soát rủi ro – Phòng G, chi nhánh B; Địa chỉ: Số E, đường Đ, thôn D, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận. Có mặt

- Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Uyên S, sinh năm 1996; Nơi cư trú: Số A, đường số A, thôn E, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận. Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các bản khai của người đại diện theo ủy quyền lại của nguyên đơn có trong hồ sơ vụ án thì nguyên đơn trình bày:

Ngày 01/01/2023 bà Nguyễn Thị Uyên S, sinh năm 1996, nơi cư trú: tổ C, thôn E, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận đã ký Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng với Ngân hàng Thương mại Cổ phần S1 - chi nhánh B - phòng G (gọi tắt là Ngân hàng), tức ký kết hợp đồng vay tài sản thông qua hình thức cấp thẻ. Ngân hàng đã đồng ý cấp thẻ cho bà S, loại thẻ: Visa Classic, hạn mức tín dụng: 50.000.000 đồng, mục đích vay là tiêu dùng cá nhân, lãi suất thỏa thuận là 2,4%/tháng, lãi suất quá hạn tối đa bằng 150% của lãi suất trong hạn.

Dựa trên cơ sở phát hành thẻ tín dụng nêu trên cho bà S, thì bà S có quyền vay tiêu dùng trên app S2, hạn mức vay tiêu dùng là 90% hạn mức của thẻ tín dụng đã cấp trước đó. Ngày 02/2/2023 bà S đã đăng nhập hệ thống app S2 và thực hiện các thao tác trên app, đã nhập mã OTP gửi riêng cho số điện thoại của bà S để xác nhận giao dịch thay thế cho chữ ký, do đó giữa Ngân hàng và bà S đã xác lập “Giấy đề nghị kèm hợp đồng tín dụng kèm giấy nhận nợ số LD0000194124”, hạn mức vay 45.000.000 đồng, thời hạn vay 30 tháng, lãi suất 1,4%/tháng, **lãi suất quá hạn 4,062%/tháng**. Sau ngày vay đến ngày 25/02/2023 bà S bắt đầu các giao dịch trên số tiền đã có trong tài khoản S2, đến ngày 25/7/2023 bà S vay trên app S2 tổng số tiền 45.000.000 đồng.

Khi thực hiện các giao dịch vay nêu trên bà Nguyễn Thị Uyên S không có chồng.

Sau khi vay tiền, đối với khoản vay theo hình thức cấp thẻ tín dụng được ký kết ngày 01/1/2023 giữa Ngân hàng và bà S thì bà S đã thanh toán đầy đủ số tiền nợ gốc, nợ lãi và tiền phí. Tính đến thời điểm Ngân hàng khởi kiện ngày 03/10/2024 dư nợ theo “Giấy đề nghị kèm hợp đồng tín dụng” ký kết ngày 01/01/2023 giữa Ngân hàng và bà S là 0 đồng, Ngân hàng không có yêu cầu gì. Đối với khoản vay tiêu dùng trên app S2 thì bà S thực hiện giao dịch thanh toán đến ngày 25/8/2024 là 35.870.000 đồng, ngày 10/3/2025 bà S thanh toán thêm cho Ngân hàng số tiền

1.000.000 đồng, ngoài ra bà S không thanh toán cho Ngân hàng thêm khoản nào khác. Nhận thấy bà S đã vi phạm những điều khoản quy định tại “Giấy đề nghị kiêm hợp đồng tín dụng kiêm giấy nhận nợ số LD0000194124” nên Ngân hàng khởi kiện.

Tại phiên tòa đại diện Ngân hàng yêu cầu bà Nguyễn Thị Uyên S phải trả cho Ngân hàng TMCP S1 số tiền nợ, tiền nợ lãi quá hạn đối với khoản vay trên app S2 của bà S tính đến ngày 20/3/2025 là 27.350.134 đồng và tiếp tục trả lãi quá hạn cho đến khi trả hết số tiền nợ.

Đối với bị đơn bà Nguyễn Thị Uyên S:

Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Thông báo kết quả phiên họp; Quyết định đưa vụ án ra xét xử, giấy triệu tập tham gia phiên tòa, Quyết định hoãn phiên tòa; Thông báo mở lại phiên tòa nhưng bị đơn Nguyễn Thị Uyên S không có đơn khởi kiện phản tố, cũng không có ý kiến, tài liệu chứng cứ gì giao nộp cho Tòa án, cũng không tham gia làm việc và tham gia phiên tòa.

Theo biên bản xác minh bà Bùi Thị Thúy H (mẹ bà S) có trong hồ sơ thể hiện:

Bà S biết việc Ngân hàng khởi kiện bà S tại Tòa án để yêu cầu bà thanh toán khoản vay của thẻ tín dụng, cũng như đã nhận được đầy đủ các văn bản tố tụng Tòa án tổng đạt cho bà S, nhưng do bận công việc nên không thể đến Tòa án tham gia tố tụng. Bà S hiện nay đang độc thân, chưa kết hôn với ai.

Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa về việc tuân thủ pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, các đương sự và phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

- Về tố tụng:

+ Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán đã tuân thủ theo đúng các quy định về pháp luật tố tụng dân sự.

+ Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa: Tại phiên tòa Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm và đảm bảo đúng nguyên tắc xét xử.

+ Việc chấp hành pháp luật của các đương sự, người đại diện trong vụ án: Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn, người đại diện đã

chấp hành đúng các quy định tại Bộ luật tố tụng dân sự về quyền và nghĩa vụ của đương sự. Bị đơn không chấp hành đúng các quy định tại Bộ luật tố tụng dân sự về quyền và nghĩa vụ của đương sự.

- Về nội dung vụ án: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn chấp nhận, nên đề nghị Tòa án xử buộc bà Nguyễn Thị Uyên S phải trả cho Ngân hàng TMCP S1 số tiền nợ tính đến ngày 20/3/2025 là 27.350.134 đồng

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên Toà, trên cơ sở ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị đơn bà Nguyễn Thị Uyên S hiện thường trú tại tổ C, thôn E, xã Đ, huyện Đ nên khởi kiện của nguyên đơn là thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đức Linh được quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ tranh chấp, áp dụng pháp luật để giải quyết quan hệ tranh chấp: Tại thông báo thụ lý vụ án và Quyết định đưa vụ án ra xét xử xác định quan hệ tranh chấp cần giải quyết là “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”. Tuy nhiên theo đơn khởi kiện, chứng cứ do các đương sự, người đại diện cung cấp, quá trình làm việc tại Tòa án, nay xác định lại quan hệ tranh chấp cần giải quyết là “*Tranh chấp Hợp đồng tín dụng*”, theo quy định tại Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015 và Luật các tổ chức tín dụng. Quan hệ được xác lập năm 2023, nên áp dụng pháp luật của Bộ luật dân sự năm 2015 và Luật các tổ chức tín dụng để giải quyết.

[3] Về thủ tục tố tụng: Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử mặc dù đã được Tòa án triệu tập họp lệ các đương sự tham gia phiên tòa đến lần thứ hai nhưng bị đơn bà Nguyễn Thị Uyên S vắng mặt không có lý do chính đáng, cũng không có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ quy định khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử vắng mặt bị đơn bà Nguyễn Thị Uyên S là phù hợp.

[4] Về nội dung vụ án:

[4.1] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về số tiền nợ:

Tại đơn khởi kiện và tại phiên tòa, nguyên đơn, người đại diện theo ủy quyền lại của nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, cụ thể:

Đối với khoản vay theo “Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng” lập ngày 01/1/2023 giữa bà Nguyễn Thị Uyên S với Ngân hàng, loại thẻ Visa C, hạn mức tín dụng: 50.000.000 đồng, mục đích vay là tiêu dùng cá nhân, lãi suất thỏa thuận là 2,4%/tháng, lãi suất quá hạn tối đa bằng 150% của lãi suất trong hạn, thì bà Nguyễn Thị Uyên S đã thanh toán đủ, Ngân hàng không có yêu cầu gì nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Đối với khoản vay ngày 02/2/2023 trên app S2 theo “Giấy đề nghị kèm hợp đồng tín dụng kèm giấy nhận nợ số LD0000194124, số tiền vay: 45.000.000 đồng, lãi suất 1,4%/tháng, lãi suất quá hạn 4,062%/tháng thì nguyên đơn Ngân hàng yêu cầu bà S thanh toán số tiền **nợ gốc là 20.350.000 đồng.**

Nhận thấy, Ngân hàng đã cấp và kích hoạt thẻ tín dụng loại thẻ Visa Classic cho bà S, từ việc cấp thẻ cho bà S thì bà S có số tài khoản tại Ngân hàng, đồng thời số tài khoản là tài khoản đăng nhập S2 của bà S, số điện thoại bà S kê khai trong “Giấy đề nghị cấp thẻ kèm hợp đồng tín dụng” ngày 01/1/2023 là số điện thoại nhận các thông báo của Ngân hàng và đăng ký mã OTP. Ngày 02/2/2023 bà S đăng nhập tài khoản S2 và thực hiện các thao tác vay trên app, Ngân hàng gửi thông báo giải ngân cho bà S theo yêu cầu vay của bà S, sau khi nhận thông báo bà S đã nhập mã OTP gửi riêng cho số điện thoại của bà S để xác nhận giao dịch thay thế cho chữ ký. Từ đó, xác định “Giấy đề nghị kèm hợp đồng tín dụng kèm giấy nhận nợ số LD0000194124” lập giữa bà S và Ngân hàng là có hiệu lực theo quy định tại Khoản 1.1 Điều 1 của Giấy đề nghị kèm hợp đồng tín dụng kèm giấy nhận nợ số LD0000194124. Hạn mức gói vay là 45.000.000 đồng, thời hạn vay 30 tháng, lãi suất 1,4%/tháng, thu nợ hàng tháng tiền gốc là 1.500.000 đồng, tiền lãi là 630.000 đồng. Sau khi được chấp nhận khoản vay tiêu dùng trên app S2 thì bà S đã tiến hành giao dịch với tổng số tiền 45.000.000 đồng cụ thể: Vào các ngày 25 hàng tháng từ ngày 25/02/2023 đến ngày 25/6/2024 bà S giao dịch số tiền mỗi tháng là 1.500.000 đồng, đến ngày 25/7/2024 bà S giao dịch số tiền 19.500.000 đồng. Theo bảng sao kê do Ngân hàng cung cấp, tính đến ngày 25/8/2024 bà S đã thực hiện giao dịch thanh toán cho Ngân hàng được số tiền 35.870.000 đồng bao gồm tiền nợ gốc, tiền nợ lãi và phí, từ ngày 26/8/2024 đến trước ngày 20/3/2025 bà S thanh toán thêm cho Ngân hàng số tiền 1.000.000 đồng. Như vậy tổng số tiền bà S đã thanh toán cho Ngân hàng là 36.870.000 đồng. Hiện nay bà S còn **nợ Ngân hàng số tiền dư nợ gốc là 20.350.000 đồng. Theo quy định tại khoản 4.4 Điều 4 của Giấy đề**

ngiht kiêm hợp đồng tín dụng kiêm giấy nhận nợ thì Ngân hàng có quyền chấm dứt cho vay và thu hồi nợ trước hạn khi *Bên vay vi phạm bất kỳ điều khoản nào của Hợp đồng này hoặc bất cứ thỏa thuận cam kết nào khác với S2*. Căn cứ theo bảng tóm tắt sao kê của Ngân hàng thì từ tháng 9/2024 đến nay bà S chỉ thanh toán được cho Ngân hàng số tiền 1.000.000 đồng, như vậy bà S đã vi phạm về điều khoản thanh toán đã cam kết với Ngân hàng. Do đó Ngân hàng khởi kiện yêu cầu bà Nguyễn Thị Uyên S phải thanh toán toàn bộ dư nợ gốc 20.350.000 đồng là phù hợp với **Điều 463, Điều 466 Bộ Luật dân sự 2015, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.**

[5.2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về tiền lãi và tiếp tục chịu lãi quá hạn:

Nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả lãi quá hạn từ ngày 26/7/2024 tính đến ngày 20/3/2025 là 7.000.134 đồng và yêu cầu bị đơn tiếp tục trả lãi theo thỏa thuận trong hợp đồng kể từ ngày 21/3/2025 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ các khoản nợ. Lãi suất thỏa thuận khi vay là 1,4%/tháng, lãi suất quá hạn và các điều chỉnh về mức lãi được quy định tại Điều 3 của Giấy đề nghị kiêm hợp đồng tín dụng kiêm giấy nhận nợ, trong trường hợp này Ngân hàng yêu cầu tính lãi quá hạn **theo mức 4,062%/tháng** là phù hợp với thỏa thuận tại Giấy đề nghị kiêm hợp đồng tín dụng kiêm giấy nhận nợ và phù hợp với quy định tại Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng. Tại khoản 4 Điều 4 của Giấy đề nghị kiêm hợp đồng tín dụng kiêm giấy nhận nợ có quy định “*Khi phát sinh trường hợp Ngân hàng không giải ngân, đình chỉ giải ngân, chấm dứt cho vay hoặc thu hồi nợ trước hạn, các khoản vay của Bên vay bao gồm nợ gốc, lãi, chi phí có liên quan dù chưa đến hạn thanh toán cũng được xem như đến hạn thanh toán và Bên vay phải có trách nhiệm phải thanh toán ngay cho Ngân hàng*”. Theo bảng tóm tắt sao kê của Ngân hàng thì từ ngày 25/7/2024 khoản nợ của bà S đã chuyển nợ quá hạn do bà S không thanh toán đúng theo thời hạn thanh toán mà các bên đã thỏa thuận. Do đó xét thấy cần buộc bà S phải thanh toán cho Ngân hàng số tiền lãi quá hạn 7.000.134 là phù hợp. Ngoài ra bà S còn phải tiếp tục thanh toán tiền lãi quá hạn theo thỏa thuận tại Giấy đề nghị kiêm hợp đồng tín dụng kiêm giấy nhận nợ số LD0000194124 lập ngày 02/2/2023.

[6] Về áp dụng án lệ: Sau khi nghiên cứu nội dung vụ án, thấy tương đồng với nội dung Án lệ 08/2016/AL được Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thông qua ngày 17/10/2016 nên Hội đồng xét xử quyết định áp dụng.

[7] Xét ý kiến của Kiểm Sát V về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án. Kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng pháp luật.

Phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án là phù hợp với nội dung vụ án. Vì vậy Hội đồng xét xử chấp nhận quan điểm này.

[8] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn có căn cứ được chấp nhận nên cần buộc bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí cho nguyên đơn.

[9] Các đương sự, người đại diện đều có quyền kháng cáo theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

Khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Các Điều 91, 92, 147, 203; khoản 2 Điều 227; Điều 271; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Các Điều 463, 466, 468, 471 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Các Điều 91, 94, 95 Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010; Án lệ 08/2016/AL được Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao thông qua ngày 17/10/2016 và được công bố theo quyết định số 689/QĐ-CA, ngày 17/10/2016 của Chánh án Tòa án nhân dân Tối cao; Điều 7, Điều 8 của Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Luật Thi hành án dân sự năm 2008, đã được sửa đổi bổ sung;

1. Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần S1.

Buộc bà Nguyễn Thị Uyên S phải trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần S1 số tiền 27.350.134 đồng (Hai mươi bảy triệu ba trăm năm mươi ngàn một trăm ba mươi bốn đồng). Trong đó tiền nợ gốc là 20.350.000 đồng, nợ lãi là 7.000.134 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm bà Nguyễn Thị Uyên S còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng (Giấy đề nghị kèm hợp đồng tín dụng kèm giấy nhận nợ số LD0000194124 lập ngày 02/2/2023) cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc.

2. Về án phí: Ngân hàng Thương mại Cổ phần S1 không phải chịu án phí. Hoàn trả lại cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần S1 số tiền 587.000 đồng (Năm trăm tám mươi bảy ngàn đồng) tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004962, ngày 18/11/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Linh.

Bà Nguyễn Thị Uyên S phải chịu 1.367.000 đồng (Một triệu ba trăm sáu mươi bảy ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm sung công quỹ Nhà nước.

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự, người đại diện của đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án, để Tòa án cấp trên xét xử phúc thẩm.

4. Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Đức Linh;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS huyện Đức Linh;
- Lưu HS, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị Thu Vân

